

Bản án số: 74/2025/DS-ST
Ngày: 21-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hữu Trọng
- Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2024/DSST ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973, chức danh: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S, địa chỉ: Đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1996, chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S.

2. Bị đơn: Bà La Mạn L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Đường X, Phường A (nay là Phường A1), Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, bà La Mạn L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà L 02 thẻ tín dụng, gồm thẻ VS payWave Cre Gold số 3898159565, thẻ JCB JSpeedy CR Gold số tài khoản 3080487527 với chung hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.426.360 đồng (trong đó: thẻ VS payWave Cre Gold là 3.978.610 đồng, thẻ JCB JSpeedy CR Gold là 70.447.750 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 67.665.740 đồng, trong đó thẻ VS payWave Cre Gold 4.221.740 đồng và thẻ JCB JSpeedy CR Gold là 63.444.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23 tháng 3 năm 2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ bà L còn thiếu tại thời điểm này là với thẻ VS payWave Cre Gold là 1.001.346 đồng và thẻ JCB JSpeedy CR Gold là 16.590.987 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và áp dụng lãi suất là 2.6%/tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân 150%.

Mặc dù Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký nên Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án.

Tính đến ngày 28 tháng 02 năm 2025, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 50.502.263 đồng, trong đó nợ gốc là 17.592.333 đồng, lãi quá hạn là 32.909.930 đồng, bao gồm: Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold: nợ gốc 1.101.346 đồng, lãi quá hạn 1.873.578 đồng và nợ thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold: nợ gốc 16.509.987 đồng, lãi quá hạn 31.036.352 đồng. Vì thế, nguyên đơn yêu cầu bà La Mạn L phải trả ngay số tiền nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 28 tháng 02 năm 2025 là 50.502.263 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà L thanh toán khoản nợ trên, không yêu cầu chồng bà L thanh toán.

Bị đơn là bà La Mạn L được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Nguyễn Huy H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 21 tháng 4 năm 2025, ông H xác định nguyên đơn yêu cầu bà La Mạn L trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2025 tổng cộng là 51.691.503 đồng, trong đó nợ gốc là 17.592.333 đồng, lãi quá hạn là 34.099.170 đồng (bao gồm: thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold có nợ gốc 1.101.346 đồng, lãi quá hạn 1.941.282 đồng và thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold có nợ gốc 16.509.987 đồng, lãi quá hạn 32.157.888 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Bị đơn là bà La Mạn L vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc bị đơn là bà La Mạn L thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2025 là 51.691.503 đồng, trong đó: nợ gốc là 17.592.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.099.170 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Bị đơn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà La Mạn L thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng. Bà La Mạn L có địa chỉ cư trú tại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5,

Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Huy H là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà La Mạn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn là bà La Mạn L trả tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2025 với tiền nợ gốc là 17.592.333 đồng, lãi quá hạn là 34.099.170 đồng và trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2025 đến khi trả hết nợ theo lãi suất các bên thỏa thuận.

[3.1] Về tiền nợ gốc:

[3.1.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04 tháng 3 năm 2019, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016) cũng như trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định, Ngân hàng Thương mại cổ phần S có cấp cho bà La Mạn L thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số tài khoản 3898159565 và thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold số tài khoản 3080487527, hạn mức sử dụng mỗi thẻ là 15.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân.

[3.1.2] Căn cứ Tóm tắt sao kê thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold 3898159565 và thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold 3080487527 do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định, kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.426.360 đồng (trong đó, thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold là 3.978.610 đồng, thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold là 70.447.750 đồng) và bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 67.665.740 đồng (trong đó, thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold là 4.221.740 đồng và thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold là 63.444.000 đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[3.1.3] Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23 tháng 3 năm 2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ bà La Mạn L còn thiếu tại thời điểm này là 1.001.346 đồng đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold và 16.590.987 đồng đối với thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và áp dụng lãi suất là 2.6%/tháng trên số tiền nợ quá hạn nhân (x) 150%.

[3.2] Về tiền nợ lãi: Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, lãi suất thẻ tín dụng được áp dụng kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 là 2,6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% x 2,6%/tháng = 3,9%/tháng. Tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2025, bà L còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 51.691.503 đồng, trong đó nợ gốc là 17.592.333 đồng, lãi quá hạn là 34.099.170 đồng, bao gồm:

- Nợ thẻ tín dụng VS P số tài khoản 3898159565: nợ gốc 1.101.346 đồng, lãi quá hạn 1.941.282 đồng.

- Nợ thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold số tài khoản 3080487527: nợ gốc 16.590.987 đồng, lãi quá hạn 32.157.888 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà L phải thanh toán nợ lãi quá hạn của 02 thẻ tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2025 với số tiền 51.691.503 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn là bà La Mạn L về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ kèm theo mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng bà La Mạn L không có ý kiến phản hồi cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc đưa ra không đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.4] Vì vậy, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn là bà La Mạn L phải thanh toán số tiền nợ của 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2025 là 51.691.503 đồng (gồm: nợ gốc là 17.592.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.099.170 đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04 tháng 3 năm 2019, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc bà La Mạn L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ của thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số tài khoản 3898159565 và thẻ tín dụng JCB JSpeedy CR Gold số tài khoản 3080487527 tính đến ngày 21 tháng 4 năm 2025 là 51.691.503 đồng (năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ ba đồng), trong đó: nợ gốc là 17.592.333 đồng (mười bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 34.099.170 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi đồng).

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2025, bà La Mạn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04 tháng 3 năm 2019, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.584.575 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) do bà La Mạn L chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.128.767 đồng (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036401 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S, bà La Mạn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hà Như Oanh